

Số: 72 /2019/QĐST-HNGĐ

Sông Lô, ngày 16 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn M, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

Bị đơn: Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn M, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954; Địa chỉ: thôn M, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn H và chị Đặng Thị H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nuôi con: Anh H và chị H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 17/10/2010 và Nguyễn Trí H2, sinh ngày 26/9/2012; hiện nay con đang ở cùng hai vợ chồng. Ly hôn, hai bên thỏa thuận anh H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tuấn A còn chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trí H2; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Không ai được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

2.2. Về tài sản chung: Anh H, chị H1 đều xác nhận vợ chồng có tài sản chung theo kết quả định giá tài sản ngày 31/7/2019 gồm 01 nhà một tầng mái xô xi măng, sườn thép, tường xây gạch xi 150 cao > 3m xây năm 2015 trị giá 78.611.400đ, nhà tắm và các phụ kiện, thiết bị kèm theo (xây dựng và sử dụng năm 2018) trị giá 38.000.000đ, 01 hầm Bioga 38 m³ xây dựng năm 2018 trị giá 17.100.000đ, 01 trần tôn sườn thép nhà lớn làm năm 2012 trị giá 7.000.000 đ; nền lát gạch đất nung 40x40 trị giá 6.000.000đ; giếng xây, kè sửa chữa lại năm 2018 trị giá 9.500.000đ. toàn bộ các công trình xây trên diện tích đất của bà Nguyễn Thị Thuộc (mẹ đẻ anh Huy); 01 máy uốn đai sắt mua năm 2016 trị giá 46.900.000đ; 01 xe máy Lead BKS: 19N1 - 180.26 mua mới năm 2016 trị giá 29.400.000đ, 01 xe máy Dream BKS 19K2 - 7814 mua cũ năm 2014 trị giá 8.000.000đ, 01 xe máy Star 88F8 - 2340 mua cũ năm 2015 trị giá 3.600.000đ. Tổng giá trị tài sản là 244.111.400 đ. Hiện nay các tài sản trên vợ chồng đang quản lý. Ly hôn, hai bên thỏa thuận chị H1 sử dụng 01 xe Lead BKS: 19 N1 - 180.26 còn để anh H sử dụng toàn bộ các tài sản còn lại và phải thanh toán cho chị H1 là 92.655.700đ (bằng chữ: chín mươi hai triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng, đã làm tròn).

2.3. Về tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh H và chị H1 đều không đề nghị Toà án giải quyết.

Kể từ ngày chị Đặng Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến thi hành xong, nếu anh Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 3.051.000đ (ba triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng, đã làm tròn) án phí phân chia tài sản chung nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001565 ngày 24/6/2019 và 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0001574 ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Trả lại anh H số tiền 4.299.000đ (bằng chữ: Bốn triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Chị Đặng Thị H2 phải chịu 3.051.000đ (bằng chữ: ba triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng, đã làm tròn) án phí phân chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện Sông Lô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Khương Đặng Khánh Hằng